

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng
Khu đô thị cạnh Trường Cao đẳng Công nghệ Việt Hàn,
xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang (tỷ lệ 1/500)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Bắc Giang: Số 318/2013/QĐ-UBND ngày 18/7/2013 ban hành Quy định về quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; số 17/2017/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định về quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Bắc Giang đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/10.000;

Căn cứ Công văn số 1077/UBND-QLĐT ngày 11/5/2018 của Chủ tịch UBND thành phố về việc khảo sát, lập quy hoạch chi tiết đô thị tại khu vực xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang;

Căn cứ Thông báo số 161-TB/VPTU ngày 26/9/2018 về kết luận của Thường trực Thành ủy tại hội nghị giao ban ngày 24/9/2018; Thông báo số 255/TB-UBND ngày 24/9/2018 về kết luận của Chủ tịch UBND thành phố tại hội nghị giao ban giữa Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố ngày 21/9/2018;

Căn cứ Quyết định số 2196/QĐ-UBND ngày 30/8/2018 của UBND thành phố về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị cạnh Trường Cao đẳng công nghệ Việt Hàn, xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang;

Xét đề nghị của Công ty cổ phần Xây dựng Thành Đô Bắc Giang tại Tờ trình số 05/TTr-TĐBG ngày 14/9/2018; Báo cáo thẩm định số 114/BC-QLĐT ngày 30 tháng 10 năm 2018 và Phiếu trình văn bản ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Phòng Quản lý đô thị thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị cạnh Trường Cao đẳng công nghệ Việt Hàn, xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang (tỷ lệ 1/500) với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị cạnh Trường Cao đẳng công nghệ Việt Hàn, xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang (tỷ lệ 1/500).

2. Phạm vi ranh giới, diện tích, tính chất khu vực lập quy hoạch chi tiết:

a) *Vị trí khu đất:* Thuộc xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang.

b) *Ranh giới quy hoạch:*

- Phía Bắc: Giáp Quốc lộ 31.

- Phía Nam: Giáp đất nông nghiệp, xã Dĩnh Trì.

- Phía Đông: Giáp Trường Cao đẳng công nghệ Việt Hàn.

- Phía Tây: Giáp Khu dân cư cạnh Tỉnh lộ 299, xã Dĩnh Trì.

c) *Diện tích quy hoạch:* khoảng 14,0 ha.

d) *Tính chất:*

Là Khu đô thị mới, bao gồm đầy đủ các chức năng: Các nhóm nhà ở thấp tầng, công trình cao tầng; công trình thương mại dịch vụ, nhà văn hóa, trường mầm non; khuôn viên cây xanh thể dục thể thao, hồ nước; đường giao thông đô thị, bãi đỗ xe và công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

3. Các chỉ tiêu cơ bản về dân số, đất đai và hạ tầng kỹ thuật:

a) *Quy mô dân số:* Đáp ứng nhu cầu khoảng 2.500 người.

b) *Đất đai và hạ tầng kỹ thuật:*

- Đất nhà ở liền kề trung bình khoảng 90 m²/lô, nhà phố thương mại 108 m²/lô;

- Đất biệt thự song lập khoảng 180 m²/lô;

- Đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ - thương mại đơn vị ở đạt khoảng 2,0 m²/người;

- Đất giao thông nội bộ và hạ tầng kỹ thuật đạt khoảng 24,6 m²/người;

- Đất cây xanh, TDTT – mặt nước đạt khoảng 9,3 m²/người.

c) *Hạ tầng kỹ thuật:*

- Diện tích đất giao thông trên dân số: 19,6 m²/người; đất giao thông trên đất xây dựng chiếm tỷ lệ 35,4 %;

- Đường giao thông có bề rộng lộ giới: $\geq 13,0\text{m}$;

- Diện tích bãi đỗ xe tập trung: 5.465m².

- Hệ thống cấp nước: 150 l/ng.ngày.đêm nước sinh hoạt; 3 l /m² sàn đối với công trình công cộng, văn phòng; 3 l / m².nđ đối với cây xanh;

- Hệ thống cấp điện: 6 kw/hộ đối với nhà phố, nhà liền kề; 8 kw/hộ đối với biệt thự; 30 w/m² sàn đối với công trình công cộng; 7,5 kw/km đối với chiếu sáng đường;

- Thoát nước thải: 150 l/ng.ngày.đêm;

- Chất thải rắn: 1,3 kg/người.ngđ.

4. Cơ cấu và chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị:

STT	Ký hiệu	Chức năng SĐĐ	Diện tích đất (m ²)	Tỷ lệ (%)	MĐXD (%)	Chiều cao (tầng)	Hệ số SĐĐ (lần)
TỔNG DIỆN TÍCH QUY HOẠCH			140.300,4	100,0	32,9	≤15,0	1,8
1		Đất công cộng và thương mại dịch vụ	5.155,7	3,7	40,0	1~3	1,2
1.1	CC	Đất nhà văn hóa	1.330,0	0,9	40,0	1~3	1,2
1.2	TM	Đất thương mại dịch vụ	1.289,9	0,9	40,0	1~3	1,2
1.3	NT	Đất nhà trẻ	2.535,8	1,8	40,0	2~3	1,2
2		Đất ở mới	49.312,5	35,1	84,1	2,0~15,0	4,8
2.1	BT	Đất nhà biệt thự	7.323,5	5,2	70,0	2~3	2,1
2.2	NP	Đất nhà phố thương mại	5.968,9	4,3	100,0	3~7	7,0
2.3	LK	Đất nhà liền kề	26.589,8	19,0	100,0	3~5	5,0
2.4	OXH	Đất nhà ở xã hội	9.430,2	6,7	40,0	9~15	5,2
3		Đất cây xanh - mặt nước	23.555,0	16,8	5,0	1,0	0,1
3.1	CX	Đất cây xanh đơn vị, thể dục thể thao	10.522,3	7,5	5,0	1,0	0,1
3.2	MN	Đất mặt nước	13.032,6	9,3	5,0	1,0	0,1
4		Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật	62.277,3	44,4	6,2	1,0	0,02
4.1	GT	Đất giao thông	49.719,1	35,4			
4.2	P	Đất bãi đỗ xe	5.464,9	3,9			
4.2.1	P1	Đất bãi đỗ xe 1	5.242,7	3,7	20,0	1,0	0,2
4.2.2	P2	Đất bãi đỗ xe 2	222,2	0,2			
4.3	HTKT	Đất hạ tầng kỹ thuật	7.093,2	5,1	6,2	1,0	0,1
4.3.1	HTKT1	Ga rác	325,6	0,2	40,0	1,0	0,4
4.3.2	HTKT2	Trạm xử lý nước thải	769,0	0,5	40,0	1,0	0,4
4.3.3	HTKT3	Tuyến hạ tầng kỹ thuật	5.998,7	4,3			

5. Giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc, thiết kế đô thị cho từng lô đất

- Không gian ở:

+ Bố trí đa dạng các loại hình nhà ở riêng lẻ, cụ thể: Bố trí 276 căn nhà liền kề, diện tích phổ biến 90m²/lô có kích thước 5x18m; 48 căn nhà phố thương mại, diện tích phổ biến 108m²/lô có kích thước 6x18m; 37 căn biệt thự song lập, diện tích phổ biến 180m²/lô có kích thước 10x18m. Các lô đất nhà ở riêng lẻ bám theo các tuyến đường đảm bảo diện tích ở cho dân cư, các lô góc phố và các lô giáp mặt đường cong có diện tích lớn hơn để thuận lợi xây dựng. Kiến trúc dãy nhà ở liền kề, nhà phố thương mại: Mật độ xây dựng tối đa 100%, chiều cao trung bình từ 3-5 tầng, nhà phố thương mại cho phép cao từ 3 - 7 tầng; nhà biệt thự song lập có mật độ xây dựng tối đa 70%, chiều cao từ 2-3 tầng; cao độ ban công và mặt đứng các tầng nhà thống nhất và giống nhau cho từng đoạn phố, màu sắc hài hòa, nhà ở riêng lẻ có giếng trời thông gió và chiếu sáng.

+ Bố trí nhà ở chung cư đáp ứng nhu cầu về nhà ở thu nhập thấp: Mật độ xây dựng tối đa 40%, tầng cao khoảng 9-15 tầng, tầng 1 và tầng 2 dự kiến bố trí để xe và không gian dịch vụ, sinh hoạt chung, các căn hộ bố trí từ tầng 3 đến tầng 15; hình thức kiến trúc hiện đại, màu sắc tạo điểm nhấn đô thị, kiến trúc đảm bảo 4 mặt, ưu tiên góc mở công trình hướng vào nút giao nhau của trục đường chính.

- Không gian thương mại dịch vụ tiện ích bố trí tại khu vực đảo hồ: Mật độ xây dựng tối đa 40%, chiều cao từ 1-3 tầng, cung cấp dịch vụ cho người dân sống tại Khu đô thị.

- Không gian giáo dục: Bố trí nhà trẻ tại khu vực trung tâm khu ở đáp ứng nhu cầu cho cư dân khu đô thị mới và dân cư hiện trạng giáp ranh, mật độ xây dựng 40%, tầng cao từ 2 - 3 tầng.

- Không gian cây xanh – thể dục thể thao, nhà sinh hoạt văn hóa nội bộ được thiết kế theo cấu trúc không gian mở, cây xanh xen ghép với công trình xây dựng; tại khu vực trung tâm bố trí hồ cảnh quan quy mô 1,3 ha đáp ứng nhu cầu nghỉ ngơi, thư giãn cho người dân và góp phần cải thiện vi khí hậu cho khu vực. Khai thác triệt để các khoảng không gian trống làm bãi đỗ xe, khuôn viên, cây xanh, và các mục đích công cộng khác.

- Không gian quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hoàn chỉnh. Hệ thống đường trong khu đô thị đảm bảo yêu cầu sử dụng và bán kính hợp lý, giải pháp tổ chức giao thông thông thoáng đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và yêu cầu phòng cháy; hệ thống cấp thoát nước, cấp điện, thông tin liên lạc hoàn chỉnh, đồng bộ.

6. Nguồn cung cấp và giải pháp tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật

a) Giao thông:

- Mạng lưới: Mạng đường của khu đô thị được thiết kế dựa theo hướng kết nối với QL 31 và Khu dân cư cạnh TL299; mạng lưới đường của khu đô thị được thiết kế mới và mở rộng kết hợp với mạng lưới đường hiện có tạo thành một mạng lưới liên hoàn, đảm bảo sự liên kết giữa các khu chức năng trong đô thị:

+ Đường đối ngoại (Quốc lộ 31) và đường gom có mặt cắt (A-A): Lộ giới rộng 42,0m (bao gồm: Lòng đường chính rộng 15,0m, dải phân cách giáp 2 bên đường gom rộng 2x2,0m, lòng đường gom rộng 7,0m, hè 2 bên đường gom rộng 4,5m);

+ Đường chính khu vực có mặt cắt (1-1): Lộ giới rộng 21,0m (bao gồm: Lòng đường rộng 9,0m; hè 2 bên rộng 2x6,0m = 12m);

+ Đường phân khu vực có mặt cắt (2-2): Lộ giới rộng 19,5m (bao gồm: Lòng đường rộng 2x3,75 = 7,5m; dải phân cách giữa rộng 3,0m; hè 2 bên rộng 2x4,5m = 9m);

+ Đường phân khu vực có mặt cắt (3-3): Lộ giới rộng 18,0m (bao gồm: Lòng đường rộng 9,0m; hè 2 bên rộng 2x4,5m = 9m);

+ Đường phân khu vực có mặt cắt (4-4): Lộ giới rộng 16,5m (bao gồm: Lòng đường rộng 7,5m; hè 2 bên rộng 2x4,5m = 9m);

- Các công trình phục vụ giao thông (Bãi đỗ xe):

+ Bố trí 2 bãi đỗ xe: 01 bãi đỗ xe tập trung cho cả khu đô thị với diện tích 5.243m², 01 bãi đỗ xe công cộng nhỏ kết hợp với khu cây xanh vườn hoa trong các khu ở diện tích khoảng 222m².

+ Tại khu chung cư, bố trí diện tích sàn 1 tầng làm bãi đỗ xe và diện tích đỗ xe trong khuôn viên chung cư với tổng diện tích khoảng 7.000m².

- Đối với những công trình công cộng, thương mại dịch vụ bố trí riêng bãi đỗ xe trong khu vực công trình đáp ứng nhu cầu nội bộ khu.

b) Chuẩn bị kỹ thuật

- Không chế cao độ và giải pháp nền xây dựng: Cao độ san nền được xác định trên cơ sở cao độ khu dân cư cạnh TL299 đang xây dựng và Quốc lộ 31 giáp ranh giới dự án. Cao độ tim đường tại các ngã giao nhau được xác định trên cơ sở các cao độ đã khống chế, quy hoạch mạng lưới công thoát nước mưa, đảm bảo độ sâu chôn cống. Thiết kế san nền theo phương pháp đường đồng mức thiết kế, độ dốc mái nền thiết kế $i \geq 0,004$, đảm bảo thoát nước tự chảy. Cao độ nền khu quy hoạch $H_{min} = 5,00m$; $H_{max} = 6,00m$

- Giải pháp thoát nước mặt: Toàn bộ nước mưa trong ranh giới nghiên cứu được thoát về hướng Tây Nam khu đất bằng hệ thống cống B1500, thoát qua hệ thống cống thuộc khu dân cư cạnh TL299 đang xây dựng. Các tuyến cống quy hoạch trên vỉa hè các tuyến đường nội bộ khu đô thị có đường kính D600-D1000. Hồ cảnh quan có chức năng điều hòa nước, diện tích mặt nước 1,1ha.

c) Cấp nước:

- Tổng nhu cầu dùng nước khu đô thị khoảng 700 m³/ngày đêm. Nguồn cấp nước cho khu đô thị lấy từ nhà máy nước Bắc Giang công suất 35.000m³/ngày; điểm đầu cấp nước vào khu vực quy hoạch trên QL31;

- Sơ đồ mạng & tuyến: Mạng lưới đường ống được thiết kế theo kiểu mạng vòng, kết hợp mạng cụt. Mạng phân phối được thiết kế khép kín theo các tuyến đường giao thông chính. Mạng dịch vụ bố trí trên vỉa hè dọc theo các tuyến đường khu vực, chiều sâu đặt ống trung bình 0,5m.

- Hạng cấp nước cứu hỏa bố trí trên đường ống HPDE D110, khoảng cách giữa các trụ cứu hỏa từ 100÷150m đảm bảo bán kính phục vụ là 150m.

d) Cấp điện:

- Nguồn cấp điện cho dự án được lấy từ đường dây 35KV hiện trạng đi nổi chạy dọc ranh giới phía Tây Nam khu đô thị.

- Thiết kế mới 3 TBA cấp điện cho toàn bộ dự án với tổng công suất đặt máy khoảng 2.240KVA trong đó cấp điện cho khu vực nhà xã hội là 1 trạm đặt 2 máy 320KVA, cấp điện cho các khu dân cư và các phụ tải khác là 2 trạm, mỗi trạm đặt 2 máy 400KVA.

- Các trạm biến áp trong khu đô thị được đặt kết hợp trong các ô đất cây xanh vườn hoa hoặc trong khuôn viên của các công trình. Trạm biến áp sử dụng dụng trạm Kios hợp bộ hoặc trạm Compact, đặt tại các vị trí phù hợp trong khuôn viên khu đất.

- Lưới điện trung áp và hạ áp:

+ Lưới trung thế: Lưới điện trung thế sử dụng cáp ngầm 35KV cách điện Cu-XLPE/PVC/DSTA/PVC, luồn trong ống nhựa cứng HDPE, chạy dưới vỉa hè cấp đến các trạm biến áp.

+ Lưới hạ thế có cấp điện áp 380/220V đi ngầm, cấp từ trạm biến áp đến tủ điện tổng của từng công trình. Tủ điện tổng đặt bên trong công trình hoặc ngoài trời, trên vỉa hè, tại ranh giới giữa 2 công trình (cấp cho khu nhà thấp tầng, quy mô từ 4-8 hộ /1 tủ phân phối). Hệ thống cáp hạ thế sử dụng loại cáp lõi đồng cách điện XLPE/PVC 0,6 – 1kV chôn ngầm đi dưới vỉa hè và lòng đường. Từ các trạm biến áp có các lộ hạ thế 0,4kV cấp điện chiếu sáng cảnh quan và chiếu sáng đường phố.

- Mạng lưới chiếu sáng: Xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng đảm bảo mỹ quan cho toàn khu đường dây chiếu sáng đi ngầm; cột đèn chiếu sáng dùng cột đèn đơn liền cần cao 8-12m. Dây dẫn dùng cáp bọc, đèn chiếu sáng dùng bóng đèn LED 80-120W/220V có ánh sáng màu vàng hoặc trắng có các thông số kỹ thuật tương đương.

đ) Hệ thống cống cáp qua đường và thông tin liên lạc:

- Điểm đầu: đầu nối hệ thống thông tin liên lạc khu đô thị trên Quốc lộ 31.
- Hệ thống cống, bể kỹ thuật: Bố trí hệ thống thông tin liên lạc đi chung trong tuyến cống bể kỹ thuật, chôn ngầm dưới vỉa hè, khoảng cách giữa các hố ga kéo cáp từ 70-100m, tuyến cống trục chính sử dụng các ống PVC D110.

- Đường cáp phân phối: sử dụng cáp quang đi ngầm, đầu nối từ điểm đầu trên Quốc lộ 31, kéo vào các tủ MDF bố trí trên hè, lựa chọn các vị trí gần tủ điện hạ thế để tiện quản lý, vận hành, tiết kiệm không gian bố trí hạ tầng trên hè phố. Tủ cáp dự kiến bố trí 4 tủ phân phối cho khu vực dân cư đô thị và công trình công cộng. Mỗi tủ cáp bố trí tối đa 4 hộp cáp, mỗi hộp cáp bố trí tối đa 50 đôi (tương đương 50 hộ dịch vụ).

- Đường cáp dịch vụ: bố trí cáp quang đi ngầm trong các tuyến cống nhánh D50, đầu nối từ tủ MDF ra các hộp cáp, đường cáp quang dịch vụ từ hộp cáp theo hào đi chung chôn ngầm dưới vỉa hè, dẫn ra các ga-ni-vo đầu vào các hộ sử dụng, dự kiến sẽ bố trí cứ 2 hộ sử dụng chung 1 ga-ni-vo dịch vụ.

e) Quy hoạch thoát nước thải, quản lý CTR:

- Giải pháp thoát nước thải: Toàn bộ nước thải trong ranh giới nghiên cứu quy hoạch được thiết kế riêng hoàn toàn. Nước thải từ các công trình được xử lý cục bộ bằng các bể tự hoại sau đó thoát ra mạng lưới thoát nước thải có kích thước B300mm và D300mm dọc theo các tuyến đường quy hoạch, chảy về trạm xử lý nước thải của khu đô thị đặt tại lô đất hạ tầng kỹ thuật phía Tây Nam khu đô thị. Bố trí 01 trạm xử lý nước thải tập trung công suất khoảng 450m³/ng.đ, nước thải sau khi được xử lý qua hệ thống đảm bảo quy định về vệ sinh môi trường sẽ được thoát vào hệ thống thoát nước mưa của khu vực.

- Các tuyến chính thu nước thải sử dụng cống tròn có đường kính D300, ga thăm bố trí khoảng cách 20÷30m một hố. Kích thước cống dẫn D = 300mm; rãnh thu nước thải giữa 2 dãy lô sử dụng rãnh xây có kích thước rộng B300mm.

- Quản lý chất thải rắn: Tại các hộ dân, công trình công cộng được bố trí các thùng đựng chất thải rắn có nắp đậy kín thu về ga trung chuyển rác của khu vực, chất thải rắn sẽ được thu gom và vận chuyển tới khu xử lý CTR chung của thành phố tại phường Đa Mai.

7. Giải pháp bảo vệ môi trường:

Đồ án đã phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường; đề xuất hệ thống các tiêu chí, giải pháp bảo vệ môi trường không khí, tiếng ồn, nguồn nước tác động đối với dân cư, cảnh quan thiên nhiên.

8. Hạng mục ưu tiên đầu tư và nguồn lực để thực hiện

- Hạ tầng kỹ thuật: San nền, xây dựng các tuyến đường giao thông, bãi đỗ xe, hệ thống cấp điện, chiếu sáng, cấp thoát nước, cống bể kỹ thuật,...;

- Công trình công cộng, dịch vụ: Nhà sinh hoạt văn hóa, nhà trẻ, thương mại – dịch vụ, hồ nước, vườn hoa công cộng, khuôn viên cây xanh – thể dục thể thao;

- Nhà ở: Nhà liên kề, biệt thự, chung cư cao tầng.

9. Các nội dung khác có liên quan: Theo Báo cáo thẩm định số 114/BC-QLĐT ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Phòng Quản lý đô thị thành phố và Thuyết minh Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị cạnh Trường Cao đẳng công nghệ Việt Hàn, xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang (tỷ lệ 1/500) đã thẩm định.

(Có Hồ sơ chi tiết kèm theo)

Điều 2. Chủ đầu tư (Công ty cổ phần Xây dựng Thành Đô Bắc Giang) có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND – UBND thành phố, Phòng Quản lý đô thị, Phòng Tài nguyên & Môi trường thành phố, Chủ tịch UBND xã Dĩnh Trì, Công ty cổ phần Xây dựng Thành Đô Bắc Giang và các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (đề Th/h);
- Sở Xây dựng (đề B/c);
- CT và các PCT UBND TP;
- LĐ, CVXD VP;
- Lưu: VT, HSQH.

TM ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thạo

